

Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST
Ngày 16/4/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lý Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Mạnh Cường
2. Bà Hà Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Thị Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Vũ Đức Hạnh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 08/4/2026 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: chị **Lê Thị N** - sinh năm 1983; căn cước số 02018300xxxx, do **Bộ C** cấp ngày 26/12/2024; nơi cư trú: **thôn X, xã T, tỉnh Quảng Ninh**. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

+ Bị đơn: anh **Lê Văn H** - sinh năm 1982; căn cước công dân số 02208200xxxx, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 05/05/2023; nơi cư trú: **thôn X, xã T, tỉnh Quảng Ninh**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2025, bản tự khai ngày 16/10/2025, biên bản hòa giải ngày 24/11/2025 và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 13/4/2026 có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị **Lê Thị N** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Lê Văn H** được tự do tìm hiểu và tự nguyện xây dựng gia đình với nhau. Ngày 19/10/2007 chị và anh **Hải đăng K** kết hôn tại **UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh (nay là xã T, tỉnh Quảng Ninh)**. Sau khi kết hôn chị và anh **H** sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh **H** bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi chửi nhau; anh **H** thường xuyên đánh đập chị dã man, dùng vũ khí đe

dọa tính mạng, sức khỏe chị. Chị đã khuyên bảo anh **H** nhiều lần nhưng anh **H** không thay đổi, mỗi lần chị khuyên bảo anh **H**, vợ chồng lại xảy ra cãi chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, không thể hàn gắn và chị không thể tiếp tục chung sống với anh **H** được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Lê Văn H** càng sớm càng tốt, để đảm bảo tính mạng, sức khỏe của chị.

- Về con chung: Chị và anh **Lê Văn H** có hai con chung tên là **Lê Vân A** - sinh ngày 01/8/2008 và **Lê Minh H1** - sinh ngày 05/02/2018.

Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **Lê Minh H1**; anh **Lê Văn H** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **Lê Vân A** cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi); chị và anh **H** không ai phải cấp dưỡng cho con chung.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị và anh **Lê Văn H** tự thỏa thuận, không có vay nợ chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/10/2025 và biên bản hòa giải ngày 24/11/2025 bị đơn anh **Lê Văn H có quan điểm trình bày về yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Thị N** đối với anh.*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **Lê Thị N** được tự do tìm hiểu và tự nguyện xây dựng gia đình với nhau. Ngày 19/10/2007 anh và chị **N** đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh**. Sau khi kết hôn anh và chị **N** sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thỉnh thoảng có cãi nhau, chị **N** tự ý bỏ nhà ra ngoài sinh sống, anh đã nhiều lần khuyên chị **N** quay về cùng nuôi dạy con, nhưng không có kết quả. Nay chị **N** có đơn xin ly hôn, anh không đồng ý, vì mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với chị **N**, anh đề nghị Tòa án hòa giải cho anh và chị **N** về đoàn tụ gia đình, để cùng nuôi dạy con khôn lớn.

- Về con chung: Anh và chị **Lê Thị N** có hai con chung tên là **Lê Vân A** - sinh ngày 01/8/2008 và **Lê Minh H1** - sinh ngày 05/02/2018.

Anh không đồng ý cho chị **N** nuôi dưỡng con chung **Lê Minh H1**, anh đề nghị Tòa án giải quyết anh được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **Lê Minh H1**; chị **Lê Thị N** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **Lê Vân A** cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi); anh và chị **N** không ai phải cấp dưỡng cho con chung.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh và chị **Lê Thị N** tự thỏa thuận, không có vay nợ chung. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc xác minh tình trạng hôn nhân của chị **N** và anh **H** ngày 28/10/2025 tại **thôn X, xã T, tỉnh Quảng Ninh** thể hiện: trong quá trình chung sống chị

N và anh **H** xảy ra mâu thuẫn, đánh chửi nhau, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, chính quyền địa phương đã đến hòa giải cho vợ chồng chị **N**, anh **H** hai lần, lần gần đây nhất là vào ngày 18/10/2025, đến nay do mâu thuẫn quá trầm trọng vợ chồng chị **N**, anh **H** không còn chung sống với nhau. Chị **N** và anh **H** có hai con chung là **Lê Vân A** và **Lê Minh H1**.

Tại biên bản ghi nguyện vọng của con chung ngày 10/11/2025 cháu **Lê Minh H1** có nguyện vọng muốn ở cùng với chị **N**; cháu **Lê Vân A** có nguyện vọng muốn ở cùng với anh **H**.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh phát biểu quan điểm: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 48, 198, 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc giao thông báo, quyết định tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát, tổng đạt, các thông báo, quyết định về tố tụng cho đương sự đảm bảo đầy đủ, đúng thời hạn quy định; Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; nguyên đơn, bị đơn cơ bản thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, vi phạm khoản 1 Điều 70 BLTTDS.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Thị N**: chấp nhận cho chị **N** ly hôn anh **Lê Văn H**. Giao cháu **Lê Minh H1** cho chị **N** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu **Lê Vân A** cho anh **H** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn anh **Lê Văn H** có nơi cư trú tại **thôn X, xã T, tỉnh Quảng Ninh**, nên yêu cầu của xin ly hôn của chị **Lê Thị N** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15), điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn anh **Lê Văn H** đã được Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, nhưng đều vắng mặt không có lý do. Chị **Lê Thị N** có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị **Lê Thị N** và anh **Lê Văn H** được tự do tìm hiểu và tự nguyện xây dựng gia đình với nhau. Ngày 19/10/2007 anh chị đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh (nay là xã T, tỉnh Quảng Ninh)**. Sau khi kết

hôn anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh H đe dọa và đánh chị N. Anh chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh chị không còn chung sống với nhau. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H, anh H không đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã xảy ra từ lâu, anh chị không thể giải quyết được mâu thuẫn, đời sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N là được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: chị Lê Thị N và anh Lê Văn H có hai con chung tên là Lê Văn A - sinh ngày 01/8/2008 và Lê Minh H1 - sinh ngày 05/02/2018, chị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Minh H1, giao cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Văn A. Anh H đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Minh H1, giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Văn A. Nhận thấy, chị N và anh H đều đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; con chung Lê Văn A sắp đủ 18 tuổi và có nguyện vọng được ở với bố, con chung Lê Minh H1 còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của mẹ và có nguyện vọng được ở với mẹ. Căn cứ các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình và tình hình thực tế, giao con chung Lê Minh H1 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ; giao con chung Lê Văn A cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi).

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: do chị N và anh H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản và vay nợ chung: chị Lê Thị N và anh Lê Văn H tự thỏa thuận, không có nợ chung. Chị N, anh H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: chị Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: chị Lê Thị N và anh Lê Văn H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15), điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Lê Thị N**.

- Về quan hệ hôn nhân: chị **Lê Thị N** được ly hôn với anh **Lê Văn H**.

- Về con chung: giao con chung **Lê Minh H1** – sinh ngày 05/02/2018 cho chị **Lê Thị N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung **Lê Văn A** – sinh ngày 01/8/2008 cho anh **Lê Văn H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi); chị **N**, anh **H** không ai phải cấp dưỡng cho các con chung.

Chị **N**, anh **H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: chị **Lê Thị N** và anh **Lê Văn H** tự thỏa thuận, không có nợ chung. Chị **N**, anh **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

- Về án phí dân sự: chị **Lê Thị N** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001265 ngày 16/10/2025, của Thi hành án dân tỉnh Quảng Ninh. Chị **N** đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - QN;
- Phòng THADS khu vực 4 - Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã T, Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Văn Thái

